

jìng
静

yè
夜

sī
思

lǐ bái
李 白

chuáng
床

qián
前

míng
明

yuè
月

guāng
光

yí
疑

shì
是

dì
地

shàng
上

shuāng
霜

jǔ
举

tóu
头

wàng
望

míng
明

yuè
月

dī
低

tóu
头

sī
思

gù
故

xiāng
乡

chūn xiǎo
春 晓

mèng hào rán
孟 浩 然

| | | | | |
|------|------|------|-----|-------|
| chūn | mián | bù | jué | xiǎo |
| 春 | 眠 | 不 | 觉 | 晓 |
| chù | chù | wén | tí | niǎo |
| 处 | 处 | 闻 | 啼 | 鸟 |
| yè | lái | fēng | yǔ | shēng |
| 夜 | 来 | 风 | 雨 | 声 |
| huā | luò | zhī | duō | shǎo |
| 花 | 落 | 知 | 多 | 少 |

dēng
登

guàn
鹳

què
雀

lóu
楼

wáng
王

zhī
之

huàn
涣

bái
白

rì
日

yī
依

shān
山

jìn
尽

huáng
黄

hé
河

rù
入

hǎi
海

liú
流

yù
欲

qióng
穷

qiān
千

lǐ
里

mù
目

gèng
更

shàng
上

yī
一

céng
层

lóu
楼

yǒng é
咏 鹅

luò bīn wáng
骆 宾 王

é é é qū xiàng xiàng tiān gē 。 bái máo fú lǜ
鹅 ， 鹅 ， 鹅 ， 曲 项 向 天 歌 。 白 毛 浮 绿
shuǐ hóng zhǎng bō qīng bō 。
水 ， 红 掌 拨 清 波 。

mǐn nóng
悯 农

lǐ shēn
李 绅

| | | | | |
|-----------|----------|----------|------------|----------|
| chú 锄 | hé 禾 | rì 日 | dāng 当 | wǔ 午 |
| hàn 汗 | dī 滴 | hé 禾 | xià 下 | tǔ 土 |
| shuí 谁 | zhī 知 | pán 盘 | zhōng 中 | cān 餐 |
| lì 粒 | lì 粒 | jiē 皆 | xīn 辛 | kǔ 苦 |

xiāng

相

sī

思

wáng

王

wéi

维

hóng

红

dòu

豆

shēng

生

nán

南

guó

国

chūn

春

lái

来

fā

发

jǐ

几

zhī

枝

yuàn

愿

jūn

君

duō

多

cǎi

采

xié

擷

cǐ

此

wù

物

zuì

最

xiāng

相

sī

思

yóu zǐ yín
游 子 吟

mèng jiāo
孟 郊

cí mǔ shǒu zhōng xiàn
慈 母 手 中 线

yóu zǐ shēn shàng yī
游 子 身 上 衣

lín xíng mì mì fèng
临 行 密 密 缝

yì kǒng chí chí guī
意 恐 迟 迟 归

shuí yán cùn cǎo xīn
谁 言 寸 草 心

bào dé sān chūn huī
报 得 三 春 晖

jiāng

江

xuě

雪

liǔ

柳

zōng

宗

yuán

元

qiān

千

shān

山

niǎo

鸟

fēi

飞

jué

绝

wàn

万

jìng

径

rén

人

zōng

踪

miè

灭

gū

孤

zhōu

舟

suō

蓑

lì

笠

wēng

翁

dú

独

diào

钓

hán

寒

jiāng

江

xuě

雪

xún
寻

yǐn
隐

zhě
者

bù
不

yù
遇

jiǎ dǎo
贾 岛

sōng
松

xià
下

wèn
问

tóng
童

zǐ
子

yán
言

shī
师

cǎi
采

yào
药

qù
去

zhǐ
只

zài
在

cǐ
此

shān
山

zhōng
中

yún
云

shēn
深

bù
不

zhī
知

chù
处

huí
回

xiāng
乡

ǒu
偶

shū
书

hè
贺

zhī
知

zhāng
章

shào
少

xiǎo
小

lí
离

jiā
家

lǎo
老

dà
大

huí
回

xiāng
乡

yīn
音

wú
无

gǎi
改

bìn
鬓

máo
毛

shuāi
衰

ér
儿

tóng
童

xiāng
相

jiàn
见

bù
不

xiāng
相

shí
识

xiào
笑

wèn
问

kè
客

cóng
从

hé
何

chù
处

lái
来

zèng wāng lún
赠 汪 伦

lǐ bái
李 白

| | | | | | | |
|----------|----------|------------|------------|------------|-----------|------------|
| lǐ 李 | bái 白 | chéng 乘 | zhōu 舟 | jiāng 将 | yù 欲 | xíng 行 |
| hū 忽 | wén 闻 | àn 岸 | shàng 上 | tà 踏 | gē 歌 | shēng 声 |
| táo 桃 | huā 花 | tán 潭 | shuǐ 水 | shēn 深 | qiān 千 | chǐ 尺 |
| bù 不 | jí 及 | wāng 汪 | lún 伦 | sòng 送 | wǒ 我 | qíng 情 |

huáng
黄

hè
鹤

lóu
楼

sòng
送

mèng
孟

hào
浩

rán
然

zhī
之

guǎng
广

líng
陵

lǐ bái
李 白

gù
故

rén
人

xī
西

cí
辞

huáng
黄

hè
鹤

lóu
楼

yān
烟

huā
花

sān
三

yuè
月

xià
下

yáng
扬

zhōu
州

gū
孤

fān
帆

yuǎn
远

yǐng
影

bì
碧

kōng
空

jìn
尽

wéi
唯

jiàn
见

zhǎng
长

jiāng
江

tiān
天

jì
际

liú
流

zǎo
早

fā
发

bái
白

dì
帝

chéng
城

lǐ bái
李 白

cháo
朝

cí
辞

bái
白

dì
帝

cǎi
彩

yún
云

jiān
间

qiān
千

lǐ
里

jiāng
江

líng
陵

yī
一

rì
日

hái
还

liǎng
两

àn
岸

yuán
猿

shēng
声

tí
啼

bú
不

zhù
住

qīng
轻

zhōu
舟

yǐ
已

guò
过

wàn
万

zhòng
重

shān
山

wàng
望

lú
庐

shān
山

pù
瀑

bù
布

lǐ bái
李 白

rì
日

zhào
照

xiāng
香

lú
炉

shēng
生

zǐ
紫

yān
烟

yáo
遥

kàn
看

pù
瀑

bù
布

guà
挂

qián
前

chuān
川

fēi
飞

liú
流

zhí
直

xià
下

sān
三

qiān
千

chǐ
尺

yí
疑

shì
是

yín
银

hé
河

luò
落

jiǔ
九

tiān
天

jué jù
绝 句

dù fǔ
杜 甫

| | | | | | | |
|-------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|
| liǎng 两 | gè 个 | huáng 黄 | lí 鹂 | míng 鸣 | cùi 翠 | liǔ 柳 |
| yī 一 | xíng 行 | bái 白 | lù 鹭 | shàng 上 | qīng 青 | tiān 天 |
| chuāng 窗 | hán 含 | xī 西 | líng 岭 | qiān 千 | qiū 秋 | xuě 雪 |
| mén 门 | pō 泊 | dōng 东 | wú 吴 | wàn 万 | lǐ 里 | chuán 船 |

chūn wàng
春 望

dù fǔ
杜 甫

| | | | | |
|-------|------|------|-------|------|
| guó | pò | shān | hé | zài |
| 国 | 破 | 山 | 河 | 在 |
| chéng | chūn | cǎo | mù | shēn |
| 城 | 春 | 草 | 木 | 深 |
| gǎn | shí | huā | jiàn | lèi |
| 感 | 时 | 花 | 溅 | 泪 |
| hèn | bié | niǎo | jīng | xīn |
| 恨 | 别 | 鸟 | 惊 | 心 |
| fēng | huǒ | lián | sān | yuè |
| 烽 | 火 | 连 | 三 | 月 |
| jiā | shū | dǐ | wàn | jīn |
| 家 | 书 | 抵 | 万 | 金 |
| bái | tóu | sāo | gèng | duǎn |
| 白 | 头 | 搔 | 更 | 短 |
| hún | yù | bù | shèng | zān |
| 浑 | 欲 | 不 | 胜 | 簪 |

fēng
枫

qiáo
桥

yè
夜

pō
泊

zhāng
张

jì
继

yuè
月

luò
落

wū
乌

tí
啼

shuāng
霜

mǎn
满

tiān
天

jiāng
江

fēng
枫

yú
渔

huǒ
火

duì
对

chóu
愁

mián
眠

gū
姑

sū
苏

chéng
城

wài
外

hán
寒

shān
山

sì
寺

yè
夜

bàn
半

zhōng
钟

shēng
声

dào
到

kè
客

chuán
船

shān
山

jū
居

qiū
秋

míng
暝

wáng
王

wéi
维

kōng
空

shān
山

xīn
新

yǔ
雨

hòu
后

tiān
天

qì
气

wǎn
晚

lái
来

qiū
秋

míng
明

yuè
月

sōng
松

jiān
间

zhào
照

qīng
清

quán
泉

shí
石

shàng
上

liú
流

zhú
竹

xuān
喧

guī
归

huàn
浣

nǚ
女

lián
莲

dòng
动

xià
下

yú
渔

zhōu
舟

suí
随

yì
意

chūn
春

fāng
芳

xiē
歇

wáng
王

sūn
孙

zì
自

kě
可

liú
留

jiǔ yuè jiǔ rì yì shān dōng xiōng dì
九 月 九 日 忆 山 东 兄 弟

wáng wéi
王 维

| | | | | | | |
|------|------|-------|-------|------|-----|-----|
| dú | zài | yì | xiāng | wéi | yì | kè |
| 独 | 在 | 异 | 乡 | 为 | 异 | 客 |
| měi | féng | jiā | jié | bèi | sī | qīn |
| 每 | 逢 | 佳 | 节 | 倍 | 思 | 亲 |
| yáo | zhī | xiōng | dì | dēng | gāo | chù |
| 遥 | 知 | 兄 | 弟 | 登 | 高 | 处 |
| biàn | chā | zhū | yú | shǎo | yī | rén |
| 遍 | 插 | 茱 | 萸 | 少 | 一 | 人 |

sòng
送

yuán
元

èr
二

shǐ
使

ān
安

xī
西

wáng
王

wéi
维

wèi
渭

chéng
城

cháo
朝

yǔ
雨

yì
浥

qīng
轻

chén
尘

kè
客

shě
舍

qīng
青

qīng
青

liǔ
柳

sè
色

xīn
新

quàn
劝

jūn
君

gèng
更

jǐn
尽

yī
一

bēi
杯

jiǔ
酒

xī
西

chū
出

yáng
阳

guān
关

wú
无

gù
故

rén
人

fù dé gǔ yuán cǎo sòng bié
赋 得 古 原 草 送 别

bái jū yì
白 居 易

lí lí yuán shàng cǎo , yī suì yī kū róng 。 yě huǒ shāo
离 离 原 上 草 ， 一 岁 一 枯 荣 。 野 火 烧
bù jìn , chūn fēng chuī yòu shēng 。 yuǎn fāng qīn gǔ dào ,
不 尽 ， 春 风 吹 又 生 。 远 芳 侵 古 道 ，
qíng cuì jiē huāng chéng 。 yòu sòng wáng sūn qù , qī qī
晴 翠 接 荒 城 。 又 送 王 孙 去 ， 萋 萋
mǎn bié qíng 。
满 别 情 。

yì jiāng nán
忆 江 南

bái jū yì
白 居 易

jiāng nán hǎo , fēng jǐng jiù céng ān 。 rì chū jiāng huā hóng
江 南 好 ， 风 景 旧 曾 谙 。 日 出 江 花 红
shèng huǒ , chūn lái jiāng shuǐ lǜ rú lán 。 néng bù yì
胜 火 ， 春 来 江 水 绿 如 蓝 。 能 不 忆
jiāng nán
江 南 ？

liáng zhōu cí
凉 州 词

wáng hàn
王 翰

| | | | | | | |
|----------|----------|------------|------------|----------|------------|-----------|
| pú 葡 | táo 萄 | měi 美 | jiǔ 酒 | yè 夜 | guāng 光 | bēi 杯 |
| yù 欲 | yǐn 饮 | pí 琵 | pá 琶 | mǎ 马 | shàng 上 | cuī 催 |
| zuì 醉 | wò 卧 | shā 沙 | chǎng 场 | jūn 君 | mò 莫 | xiào 笑 |
| gǔ 古 | lái 来 | zhēng 征 | zhàn 战 | jǐ 几 | rén 人 | huí 回 |

chū sài
出 塞

wáng chāng líng
王 昌 龄

| | | | | | | |
|-----|------|-------|-------|-----|-------|------|
| qín | shí | míng | yuè | hàn | shí | guān |
| 秦 | 时 | 明 | 月 | 汉 | 时 | 关 |
| wàn | lǐ | cháng | zhēng | rén | wèi | hái |
| 万 | 里 | 长 | 征 | 人 | 未 | 还 |
| dàn | shǐ | lóng | chéng | fēi | jiāng | zài |
| 但 | 使 | 龙 | 城 | 飞 | 将 | 在 |
| bù | jiào | hú | mǎ | dù | yīn | shān |
| 不 | 教 | 胡 | 马 | 度 | 阴 | 山 |

fú
芙

róng
蓉

lóu
楼

sòng
送

xīn
辛

jiàn
渐

wáng
王

chāng
昌

líng
龄

hán
寒

yǔ
雨

lián
连

jiāng
江

yè
夜

rù
入

wú
吴

píng
平

míng
明

sòng
送

kè
客

chǔ
楚

shān
山

gū
孤

luò
洛

yáng
阳

qīn
亲

yǒu
友

rú
如

xiāng
相

wèn
问

yī
一

piàn
片

bīng
冰

xīn
心

zài
在

yù
玉

hú
壶

lù chái
鹿 柴

wáng wéi
王 维

kōng shān bú jiàn rén
空 山 不 见 人

dàn wén rén yǔ xiǎng
但 闻 人 语 响

fǎn jǐng rù shēn lín
返 景 入 深 林

fù zhào qīng tái shàng
复 照 青 苔 上

zhú lǐ guǎn
竹 里 馆

wáng wéi
王 维

dú zuò yōu huáng lǐ
独 坐 幽 篁 里

tán qín fù cháng xiào
弹 琴 复 长 啸

shēn lín rén bù zhī
深 林 人 不 知

míng yuè lái xiāng zhào
明 月 来 相 照

niǎo míng jiàn
鸟 鸣 涧

wáng wéi
王 维

rén xián guì huā luò
人 闲 桂 花 落

yè jìng chūn shān kōng
夜 静 春 山 空

yuè chū jīng shān niǎo
月 出 惊 山 鸟

shí míng chūn jiàn zhōng
时 鸣 春 涧 中

jiāng

江

nán

南

chūn

春

dù mù
杜 牧

qiān

千

lǐ

里

yīng

莺

tí

啼

lǜ

绿

yìng

映

hóng

红

shuǐ

水

cūn

村

shān

山

guō

郭

jiǔ

酒

qí

旗

fēng

风

nán

南

cháo

朝

sì

四

bǎi

百

bā

八

shí

十

sì

寺

duō

多

shǎo

少

lóu

楼

tái

台

yān

烟

yǔ

雨

zhōng

中

qīng míng
清 明

dù mù
杜 牧

| | | | | | | |
|-----------|------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|
| qīng 清 | míng 明 | shí 时 | jié 节 | yǔ 雨 | fēn 纷 | fēn 纷 |
| lù 路 | shàng 上 | xíng 行 | rén 人 | yù 欲 | duàn 断 | hún 魂 |
| jiè 借 | wèn 问 | jiǔ 酒 | jiā 家 | hé 何 | chù 处 | yǒu 有 |
| mù 牧 | tóng 童 | yáo 遥 | zhǐ 指 | xìng 杏 | huā 花 | cūn 村 |